TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/ DS-ST
Ngày 17 tháng 4 năm 2019
"V/v Hợp đồng vay tài sản,hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Trần Kim Nguyện

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Sang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2018/TLST - DS ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2019/QĐXXST - DS ngày 05/3/2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Hứa Ngọc L – sinh năm: 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, Nguyễn Việt K, khóm 5, phường 5, Tp. Cà M, tỉnh Cà Mau

* *Bị đơn:* Bà Lý Kim C – sinh năm: 1970 (xin vắng)

Địa chỉ: Số B, Nguyễn Việt K, khóm 5, phường 5, Tp. Cà M, tỉnh Cà Mau

Hiện đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cà Mau.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Ông Phùng Công T – sinh năm: 1965 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Ấp Bỏ H, xã Tam Giang Đ, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau

Chỗ ở hiện nay: Khóm Cái N, thị trấn Năm C, huyện Năm C, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Hứa Ngọc L trình bày tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa như sau:

Do quen biết nhau, nên bà Lý Kim C có vay của bà L nhiều lần với tổng số tiền 150.000.000đ, thời gian bắt đầu năm 2013 đến năm 2015, các lần vay đều có làm biên nhận, lãi suất 4%/tháng các lần cụ thể:

Lần thứ nhất vào ngày 26/8/2013 dương lịch, số tiền vay 30 triệu đồng.

Lần thứ hai vào ngày 22/3/2014 dương lịch, số tiền vay 40 triệu đồng.

Lần thứ ba vào ngày 27/10/2014 dương lịch, số tiền vay 20 triệu đồng.

Lần thứ tư vào ngày 22/11/2014 dương lịch, số tiền vay 30 triệu đồng.

Lần thứ năm vào ngày 17/01/2015 dương lịch, số tiền vay 30 triệu đồng.

Mỗi lần vay bà C có đóng lãi đến tháng 5/2016 thì ngưng, khi vay bà C có nói là vay để đầu tư cho chồng là ông Phùng Công T xây nhà nghỉ ở huyện Năm C, tỉnh C M, việc vay này ông T có biết hay không biết thì bà cũng không được rõ nhưng tại thời điểm vay bà C, ông T vẫn còn là vợ chồng, chưa ly hôn. Khi bà C không đóng tiền vốn và lãi cho bà, bà có đến đòi tiền vợ chồng bà C thì ông T có nói với bà L khi nào bán được nhà thì sẽ trả tiền nhưng sau khi đã bán được nhà rồi thì ông T, bà C vẫn không trả tiền bà.

Ngoài ra, bà C còn nợ hai chưng hụi đã hốt nhưng chưa giao đủ cho bà với số tiền 47.985.000đ, hụi khui ngày 30/2/2014 loại hụi 1.000.000 đồng/ tháng khui 1 lần, 1 chưng có 28 phần đã đóng được 24 lần hốt được 25.885.000 đồng và 1 chưng có 26 phần đã đóng được 22 lần loại hụi 1.000.000 đồng/tháng khui 01 lần vào ngày 10/8/2014, hốt được 22.100.000 đồng.

Nay bà yêu cầu bà C và ông T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn 150.000.000đ, tiền lãi 1%/tháng với số tiền 27.000.000đ tính từ tháng 6/2016 đến tháng 12/2017 là 18 tháng và yêu cầu bà C và bà Q (mẹ bà C) cùng có trách nhiệm trả tiền hai chưng hụi 47.985.000đ.

Tại phiên tòa bà L xác định lại yêu cầu tính lãi theo quy định của Nhà nước đối với số tiền 150.000.000 đồng từ thời gian tháng 6/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà không yêu cầu nào khác.

- Bà Lý Kim C trình bày tại biên bản ghi ý kiến như sau:

Bà thừa nhận yêu cầu khởi kiện của bà L về số tiền nợ vay và nợ hụi là đúng, nhưng việc vay tiền và nợ hụi thì bà Q và ông T hoàn toàn không biết. Bà đồng ý trả cho bà L 150.000.000 đồng, tiền vốn và tiền nợ hụi 47.985.000 đồng, nhưng không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà L.

Đồng thời, tại biên bản ghi ý kiến bổ sung ngày 20/3/2019 bà C có trình bày thêm mỗi lần vay đều có viết biên nhận nợ và lãi suất 4%/tháng, thời gian vay từ năm 2013 đến năm 2015, khi vay từng lần thì đóng lãi từng đợt, nhưng đến khi vay tổng số tiền 150.000.000 đồng thì đóng lãi 01 lần trong một tháng là 6.000.000 đồng, bà đóng đến tháng 5 năm 2016 thì ngưng đóng lãi.

Bà C đồng ý trả số tiền 150.000.000 đồng, không đồng ý tính lãi theo yêu cầu của bà L. Đối với số tiền tính lãi trước kia bà không yêu cầu đối trừ. Ngoài ra bà thống nhất với số tiền 47.985.000 đồng tiền hụi để thanh toán lại cho bà L.

- Bà Nguyễn Thị Q trình bày tại biên bản ghi ý kiến như sau:

Bà xác định bà không biết và cũng không liên quan đến việc vay tiền và nợ hụi giữa bà Hứa Ngọc L với bà Lý Kim C.

- Ông Phùng Công T trình bày tại biên bản hòa giải như sau:

Ông xác định ông không biết việc bà C vay tiền và nợ tiền hụi của bà Hứa Ngọc L, đến khi bà C bị vỡ nợ có nhiều người cho ông hay thì ông mới biết được việc vay tiền và nợ hụi nêu trên. Năm 2016 thì ông và bà C sống ly thân, đến năm 2017 thì ông và bà C ly hôn, toàn bộ tài sản chung của vợ chồng ông giao cho bà C, ông không nhận tài sản gì. Nay bà L yêu cầu ông và bà C cùng có trách nhiệm trả tiền cho bà thì ông không đồng ý.

Đối với bà Nguyễn Thị Q là mẹ của bà Lý Kim C liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ đối với bà L. Bà Q không có giao dịch với bà L và không có chứng cứ thể hiện liên quan, nên Tòa án không đưa bà Q vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã giải quyết đảm bảo đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định, đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đối với số tiền vay 150.000.000 đồng chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tuy nhiên về lãi suất 4%/tháng cần điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật, đối với số tiền hụi đôi bên đã thống nhất nên chấp nhận yêu cầu của bà L. Về trách nhiệm thanh toán trong giai đoạn vay và tham gia làm chủ hụi thì bà C với ông T là vợ chồng nên trách nhiệm thanh toán là trách nhiệm chung của vợ chồng. Đối với bà Nguyễn Thị Q có trách nhiệm thanh toán số tiền hụi mà bà L cho rằng bà Q có tham gia vào việc gom hụi của các hụi viên, tuy nhiên bà L không chứng minh được và cũng không có chứng cứ nào thể hiện bà Q tham gia nên không buộc bà Q có trách nhiệm đối với số tiền nợ hụi của bà L.

Áp dụng nghị quyết: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Về án phí nguyên đơn không phải chịu, bị đơn và ông T phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn là bà Lý Kim C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, do bị đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và xét xử tại tòa, riêng đối với ông T vắng mặt xét xử lần 2, căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay, có thỏa thuận lãi suất và nợ hụi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời, trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn thống nhất và đồng ý thanh toán số tiền vay và tiền hụi, tuy nhiên, không đồng ý thanh toán số tiền lãi do trước kia bà C đã đóng lãi cho bà L nhưng bà C không yêu cầu đối trừ số tiền lãi đã đóng.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng ở 05 biên nhận nợ ghi ngày 26/8/2013, 22/3/2014, 27/10/2014, 22/11/2014 và ngày 17/01/2015 dương lịch với tổng số tiền 150.000.0000 đồng, đây là biên nhận bị đơn đã ký nhận và có ghi cụ thể người nhận Kim C, đồng thời bà C cũng thống nhất với yêu cầu tổng số tiền theo như bà L và nhận trách nhiệm thanh toán toàn bộ, nên bà C có nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho bà L là phù hợp.

[4] Tuy nhiên, đối với yêu cầu trên của nguyên đơn cần điều chỉnh cho phù hợp về phần lãi do nguyên đơn, bị đơn xác định đóng lãi lần cuối vào tháng 5/2016, mặc dù phía bà C không yêu cầu đối trừ lãi nhưng do thỏa thuận lãi suất 4% tháng là cao so với quy định của pháp luật, do đó cần điều chỉnh số tiền lãi theo quy định của pháp luật để đối trừ cho bị đơn. Nguyên đơn xác định bị đơn đóng lãi

của mỗi lần vay không nhập số tiền đã vay lại để tính lãi 4%, bị đơn có trình bày nhập lại để tính lãi nhưng không có gì chứng minh cho việc nhập vốn để tính lãi. Nguyên đơn đồng ý tính lãi của 4% của mỗi lần vay, đến lần vay tiếp theo thì tính lãi của biên nhận kế tiếp và lần cuối cùng đóng lãi là tháng 5/2016. Nên chấp nhận theo lời trình bày của nguyên đơn để điều chỉnh lãi:

* Lần thứ nhất vào ngày 26/8/2013 dương lịch, số tiền vay 30 triệu đồng, đến ngày 22/3/2014 bằng 06 tháng 26 ngày: 30.000.000 đồng x 6 tháng 26 ngày x 1.6%/tháng = 3.296.000 đồng;

Lãi suất 4% : 30.000.000 đồng x 6 tháng 26 ngày x 4%/tháng = 8.240.000. đồng.

* Lần thứ hai vào ngày 22/3/2014 dương lịch, số tiền vay 40 triệu đồng, đến ngay 27/10/2014 = 7 tháng 05 ngày:

40.000.000 đồng x 7 tháng 05 ngày x 1.6%/tháng = 4.587.000 đồng.

Lãi suất 4%: 40.000.000 đồng x 7 tháng 05 ngày x 4%/tháng = 11.467.000 đồng.

* Lần thứ ba vào ngày 27/10/2014 dương lịch, số tiền vay 20 triệu đồng, đến ngày 22/11/2014 bằng 25 ngày: 20.000.000 đồng x 25 ngày bằng 267.000 đồng,

Lãi 4% 20.000.000 đồng x 25 ngày x 4% = 667.000 đồng.

* Lần thứ tư vay ngày 22/11/2014 vay 30.000.000 đồng, đến ngày 17/01/2015 là 1 tháng 25 ngày: 30.000.000 đồng x 1 tháng 25 ngày x 1.6% = 880.000 đồng.

Lãi 4%: 30.000.000 đồng x 1 tháng 25 ngày x 4% = 2.200.000 đồng.

* Lần thứ năm ngày 17/01/2015 vay 30.000.000 đồng, đến tháng 5/2016 ngưng đóng lãi: 30.000.000 đồng x 15 tháng x 1.6%/tháng = 7.200.000 đồng.

Lãi 4% : 30.000.000 đồng x 15 tháng x 4%/tháng = 18.000.000 đồng.

* Lãi suất theo quy định mà bà L được nhận là: 3.296.000 đồng + 4.587.000 đồng + 267.000 đồng + 880.000 đồng + 7.200.000 đồng = 16.230.000 đồng.

* Lãi suất 4%/tháng mà bà C đã đóng cho bà Loan là bằng 8.240.000 đồng + 11.467.000 đồng + 667.000 đồng + 2.200.000 đồng + 18.000.000 đồng = 40.574.000 đồng.

Đối trừ số tiền lãi của bà C còn lại là 40.574.000 đồng – 16.230.000 đồng = 24.344.000 đồng.

Tiếp tục đối trừ vào số tiền số tiền vốn 150.000.000 đồng – 24.344.000 đồng = 125.656.000 đồng.

* Tại phiên tòa bà L yêu cầu tính lãi suất theo quy định 1.6%/tháng với số tiền 125.656.000 đồng, tính từ tháng 6/2016 đến tháng 4/2019 là 34 tháng: 125.656.000 đồng x 34 tháng x 1.6%/tháng = 68.356.800 đồng.

Tổng số tiền của bà L được nhận gồm tiền vốn là 125.656.000 đồng + Lãi 68.356.800 đồng = 194.012.800 đồng.

[5] Đối với số tiền hụi bà L yêu cầu bà C còn nợ hai chưng hụi đã hốt nhưng chưa đóng đủ cho bà với số tiền 47.985.000đ, hụi khui ngày 30/2/2014 loại hụi 1

triệu một tháng khui 01 phần, 01 chưng có 28 phần đã đóng được 24 lần hốt được 25.885.000 đồng và 1 chưng có 26 phần đã đóng được 22 lần loại hụi 1.000.000đồng/tháng/khui 01 lần vào ngày 10/8/2014,hốt được 22.100.000 đồng.

Đối với số tiền trên bà C có trình bày và thống nhất số tiền theo yêu cầu của bà L nên chấp nhận toàn bộ số tiền nợ hụi không phải điều chỉnh lại là phù hợp.

[6] Về nghĩa vụ thanh toán: Chứng cứ có tại hồ sơ gồm danh sách hụi viên và biên nhận nợ bà C là người trực tiếp ký tên vào các biên nhận nợ, chữ ký của bà, bà thống nhất trả toàn bộ số nợ cho bà L, tuy nhiên qua chứng cứ hồ sơ thể hiện bà C và ông T ly hôn năm 2017, có yêu cầu Tòa án giải quyết tình trạng hôn nhân, không đặt ra đến việc trả nợ, con chung, tài sản chung. Xét tại thời điểm vay từ năm 2013 đến năm 2016 trong thời gian này ông T và bà C vẫn còn trong thời kỳ hôn nhân, cho nên việc ông T không ký tên vào biên nhận nợ, không chứng minh được bà C dùng số tiền này vào mục đích gì theo ông T trình bày hoàn toàn không biết là không có căn cứ và không có gì để chứng minh đây là nợ riêng của bà C, qua đối chiếu với quy định tại Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình quy định nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu thiết yếu của gia đình, nên buộc ông T cùng với bà C phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ vay và hụi cho bà L là phù hợp.

Đối với bà Q theo bà L trình bày có liên quan, tuy nhiên bà L không có gì chứng minh bà Q có nghĩa vụ nên lời trình bày của bà L không có cơ sở chấp nhận.

[7]Áp dụng nghị quyết : Số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí các đương sự phải nộp theo quy định. Đối với nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn, người liên quan phải chịu án phí số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 466; 468; 471 của Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình.

- Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường;

- Căn cứ các Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hứa Ngọc L buộc bà Lý Kim C và ông Phùng Công T thanh toán cho bà L tổng số tiền vay, hụi là 241.997.800 đồng. *(Trong đó vốn là 125.656.000 đồng, lãi 68.356.800 đồng, hụi 47.985.000 đồng.)*

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà C, ông T không tự nguyện thi hành xong số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bà C, ông T phải nộp 12.100.000 đồng (chưa nộp); bà L không phải nộp.(được miễn dự nộp).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THA dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế

THA theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 luật THA dân sự; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật THA dân sự .

Bà L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà C, ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ,
- Lưu Toà án Tp Cà Mau

Đã ký

Nguyễn Thị Thắm